

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
TRẦN QUỐC TOÀN**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TRẦN QUỐC TOÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN QUOC TOAN BUSINESS PRODUCTION AND TRADE SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TQT BUSIPRO CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108801767

3. Ngày thành lập: 01/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 1, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
7.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
8.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
9.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
10.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
11.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
12.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
13.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
14.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
15.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
16.	Sản xuất giày, dép	1520
17.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
23.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
24.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
25.	In ấn	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30.	Bán buôn thực phẩm	4632
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
35.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
38.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
39.	Bán buôn tổng hợp	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)

51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
52.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
53.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm đầu giá)	4774
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
62.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
64.	Xây dựng nhà để ở	4101
65.	Xây dựng nhà không để ở	4102
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
78.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
79.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
80.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
81.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012851964

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Công Đình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Công Đình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012851964

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Công Đình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Công Đình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội